

TRƯỜNG MẦM NON MẶT TRỜI NHỎ

CHƯƠNG TRÌNH HỌC LỚP CHỒI 2022-2023

TÌNH CẢM -QUAN HỆ XÃ HỘI:

- Thích và có kỹ năng tự phục vụ:
 - Ø Tự vào bàn ăn và chỗ ngủ. Tự bưng ghế nhẹ nhàng. Tự bỏ chén, muỗng, ly sau khi ăn vào xô theo từng loại nhẹ nhàng.
 - Ø Tự cất đồ dùng cá nhân:giỏ xách, giày dép, ly đúng nơi quy định,
 - Ø Xúc ăn, dọn dẹp đồ chơi, ,rửa tay,lau mặt,đi dép, cởi, mặc quần áo, đội mũ với sự giúp đỡ của cô.
- Tự tin: Thoải mái trước đám đông, người lạ. Mạnh dạn xung phong nhận nhiệm vụ khi được đề nghị.
- Vui tươi, hồn nhiên: trong sinh hoạt, giao tiếp, trình diễn.
- Biết những điều không được làm.
- Biết cách đi lại trong nhà trường: đi về bên phải trên hành lang và khi lên xuống cầu thang. Ra vào lớp không chen lấn, xô đẩy.
- Cảm nhận trạng thái xúc cảm của mọi người và biểu lộ tình cảm phù hợp
- Cách cư xử đối với những người thân trong gia đình, bạn bè, cô giáo: yêu thương, quan tâm, giúp đỡ.
- Gọi người lớn giúp khi cần :bị dơ, té,, bị đau, mệt, ốm ...
- Cảm, nhận đồ bằng 2 tay từ người lớn.
- Chơi hòa thuận và phối hợp hoạt động với bạn .
- Tuân theo một số nề nếp, qui tắc, qui định trong sinh hoạt : chờ đến lượt, xếp hàng,giơ tay khi muốn nói trong giờ học..
- Giữ gìn đồ dùng chung trong lớp.
- Biết chơi 1 số trò chơi dân gian, nghe bài hát dân ca , đồng dao, thích tham dự lễ hội-sự kiện nơi bé sống: tết, trung thu... .
- Nhận biết lá cờ VN.Tô đúng màu lá cờ.

NHẬN THỨC:

1.Cơ thể của bé:

- Nhận biết các giác quan và một số bộ phận cơ thể.
- Chức năng giác quan(giúp bé làm gì), biết giữ gìn cơ thể bé sạch sẽ .
- Bé vui khi nhận ra mình đang lớn lên.
- Phân biệt trai- gái

2.Bé và gia đình:

- Tên và tên thân mật ở nhà,tuổi,giới tính.
- Nhận ra mình trong gương, hình.
- Bé biết mình có thể tự làm và thích làm gì.Đồ chơi, trang phục,món ăn yêu thích.
- Nhận ra đồ dùng cá nhân của mình.
- Tên từng thành viên trong gia đình- quan hệ với bé thế nào(mẹ, ba,

anh, chị, ông, bà).

- Biết biểu lộ tình cảm: ôm ấp, hôn, an ủi, ... với người thân trong gia đình.

- Bé có những hành động quan tâm, giúp đỡ : VD bưng nước, lấy đồ cho cha mẹ, xếp đồ chơi để mẹ không phải dọn....

3.Trường mầm non:

- Tên trường, lớp,cô giáo, một vài bạn .

- Biết tìm đường đến lớp mình khi đến trường.

- Công việc của cô.Bé làm gì để giảm nhẹ công việc cho cô.

- Một số HĐ trong trườngChia sẻ HĐ yêu thích của bé.

1. Đồ dùng-đồ chơi:

- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi

- Nhận biết một vài chất liệu: gỗ, giấy, nhựa, kim loại.

- Cảm nhận bề mặt nhẵn, gồ ghề,ráp

2. Phương tiện giao thông(PTGT):

- Nhận biết,gọi tên một số phương tiện giao thông quen thuộc.Biết các PTGT này chạy ở đâu.

- Nhận biết đèn GT, ý nghĩa của các tín hiệu đèn xanh, đỏ, vàng.

3. Động thực vật:

- Phân biệt rau, cây, hoa, quả.Thích cây cối.

- Điều kiện sống, nơi sống của cây, con èQuan sát cách trồng,chăm sóc, bảo vệ cây, hoa, con vật.Yêu thương thú nuôi, nghe và nhận ra âm thanh khi nó vui, mừng rỡ, buồn,sợ hãi.

- Nhận biết con vật quen thuộc, đặc biệt thú nuôi với 1 vài đặc điểm nổi bật(chân,tai,cánh...), thức ăn, vận động(bay, bơi, nhảy, chạy,bò).Bắt chước tiếng kêu của con vật.Bắt chước vận động giống con vật.

- So sánh 2 con vật, cây, hoa, quả.

- Mối quan hệ giữa cây cối, con vật với môi trường sống(Con vật ăn rau, lá cây, sống làm tổ trên cây....)

- Ích lợi của cây, con:Bóng mát, thức ăn, hoa đẹp...

- Cách ăn trái cây.

4. môi trường:

- Nhận ra các hiện tượng thời tiết: nắng, mưa, nóng, lạnh, gió và ảnh hưởng của chúng đến sinh hoạt của bé.

- Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.

- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. Phân biệt tối -sáng => Sự khác biệt trong sinh hoạt của người,con vật, cây cối.

- Nước có ở đâu. Nước mưa.

- Nước có thể hoà tan muối, đường.Nước không có màu.

- Phân biệt nước sạch-dơ.

- Ích lợi của nước với đời sống con người và cây cối, con vật: uống, tắm,gội đầu,VS, tưới cây,giặt đồ..

- Nguồn sáng: mặt trời, đèn, nến.

- Nhận biết đất, đá, cát, sỏi và một vài đặc điểm, tính chất của chúng. Bé chơi gì với cát, sỏi.

5. Toán:

- Đếm vệt theo khả năng.
- Đếm khoảng 5 vật
- Nhận biết 1 và nhiều
- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.
- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.
- Xếp tương ứng: Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi tương ứng cặp có mối liên quan.
- Nhận biết các đồ vật có đôi: giày, dép, vớ, đũa...
- Phân thành 2 nhóm theo 1-2 dấu hiệu
- Xếp xen kẽ.
- So sánh 2 đối tượng về chiều cao, chiều dài, to nhỏ. Làm quen các từ: cao hơn, dài hơn, to hơn.
- Nhận biết, gọi tên hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế (đồ dùng, đồ chơi,...)
- Sử dụng các hình để ghép thành hình mới.
- Nhận biết phía trên - phía dưới; phía trước - phía sau; tay phải - tay trái của bản thân.
- Nhận biết, gọi tên các buổi: sáng, trưa, chiều, tối trong ngày.

NGÔN NGỮ - GIAO TIẾP:

6. Nghe:

- Các âm thanh, ngữ điệu, giọng nói khác nhau.
- Cảm nhận ngữ điệu khác nhau và ý nghĩa của nó (biểu lộ tình cảm, mức độ quan trọng của thông điệp).
- Nghe hiểu lời nói trong giao tiếp.
- Hiểu các từ chỉ tên gọi người, vật, hành động, tính chất (danh từ, động từ, tính từ, trạng từ).
- Nghe và làm theo yêu cầu có 1-2 lời chỉ dẫn.
- Nghe hiểu nội dung truyện, thơ, phù hợp với trẻ
- Văn hoá giao tiếp: Lắng nghe người khác nói, nghe để hiểu rõ thông tin (yêu cầu, chỉ bảo...).

7. Nói:

- Phát âm rõ. Tập nói tròn câu
- Bắt chước ngữ điệu, nhịp, vần, giọng nói nhân vật trong chuyện, thơ, đồng dao.
- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu, ý nghĩ bằng lời nói rõ ràng.
- Biết trả lời và đặt các câu hỏi: Ai? Cái gì? Làm gì? Ở đâu? Khi nào? Để làm gì? Giống gì, khác gì?
- Biết thể hiện cảm xúc, ngữ điệu, cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp khi nói (gật, lắc, cười, vẫy tay....).
- Đọc thơ, ca dao, đồng dao

- Kể lại sự việc nhìn thấy.
- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của cô
- Kể về đồ dùng, đồ chơi yêu thích, mô tả tranh ảnh.
- Văn hoá nói, giao tiếp: lễ phép(thưa, gửi khi xin phép, biết xưng hô,...), mạnh dạn, điều chỉnh giọng phù hợp: không la hét, nói quá to hay lí nhí,giơ tay trong giờ học khi muốn nói, chờ tới lượt nói.

8. Chuẩn bị cho việc đọc, viết:

- Tư thế ngồi vẽ , tô màu, cầm bút đúng cách.
- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nguy hiểm, cấm đi, ...)
- Tiếp xúc với chữ viết thường xuyên qua xem và nghe cô đọc các loại sách khác nhau.
- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và giả vờ đọc truyện, biết chỉ vào chữ, biết chỗ bắt đầu và kết thúc.
- Nhận biết bìa và các trang sách, chữ và hình minh hoạ.
- Giữ gìn sách cẩn thận: lấy cất đúng quy định, cầm cẩn thận, không quăng sách dưới đất.

THỂ CHẤT:

1. Dinh dưỡng:

- * Nhận biết một số thực phẩm, thức ăn thông thường như: Cơm, mỳ, sữa, trứng, thịt, cá, cà rốt, cà chua, rau , chuối, dưa hấu, cam,đu đủ...
- * Tập ăn rau và trái cây.
- * Tập uống sữa hàng ngày.
- * Biết các món hay ăn: cơm, canh, mặn, xào, chiên.
- * Biết cách chế biến các loại thức uống đơn giản như: pha nước chanh, pha sữa
- * Biết các bữa ăn trong ngày: sáng, trưa, xế, tối
- * Biết cần phải uống đủ nước.
- * Liên quan giữa ăn uống và bệnh tật (ăn bẩn, uống nước chưa nấu sôi..... bị đau bụng).

2. Sức khỏe:

- * Vệ sinh cá nhân:
- * Tập cách đánh răng, lau mặt
- * Tập rửa tay bằng xà phòng
- * Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.
- * Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh cơ thể đối với sức khỏe
- * VS môi trường: Vứt rác vào thùng rác, không nhổ bậy, đi VS đúng chỗ(nhà VS, bồn, bồn cầu).Tập rửa đồ chơi.
- * Tập xử dụng dụng cụ, thiết bị VS(bàn chải, xà phòng, vòi nước,bồn cầu, khăn giấy..).
- * Không đòi ăn hàng rong.
- * Tập các thói quen tốt trong ăn uống: Tập ăn nhiều loại thực phẩm khác nhau, tập nhai, tập xúc ăn, uống sữa thường xuyên,uống nước sau khi

ăn.

* Ra nắng biết đội nón, mặc áo đi mưa, mặc áo ấm khi trời mưa, lạnh.

* Nhận biết một số biểu hiện khi ốm mệt: sốt, ho, đau họng, buồn ói, nhức đầu, đau bụng, đau răng.

* Biết giữ an toàn cho bản thân:

Ø Nhận ra và tránh xa các vật nguy hiểm như dao, kéo, ổ điện, bếp nóng, quạt quay, bình nước sôi..

Ø Tránh các nơi nguy hiểm như bếp, cống rãnh, ao, lu nước, chỗ xe cộ ra vào, đường trơn.....

Ø Tránh các hành động nguy hiểm: chen lấn, xô đẩy khi lên xuống cầu thang, leo trèo, đánh, cắn bạn,....

Ø Biết cách dung đồ chơi, đồ dung an toàn: không bỏ hạt, hột nhỏ vào mũi, bưng ghế nhẹ nhàng cẩn thận,...

Ø Không thay quần áo trước mặt người khác giới

3. Phát triển vận động:

* Rèn luyện các phẩm chất vận động: khéo, thăng bằng, dẻo dai, nhanh nhẹn, tự tin, nhịp nhàng, phối hợp VĐ với nhạc, với tưởng tượng, phối hợp VĐ nhóm bạn.

* Vận động thô:

Ø Phát triển cơ bắp: (TD sáng, VĐ theo nhạc, bài tập TD, trò chơi VĐ).

ũ Hít vào, thở ra qua trò chơi

ũ Tay: đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên, gập và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực.

ũ Bụng: cúi về phía trước, quay sang trái, sang phải; nghiêng người sang trái, sang phải

ũ Chân: lần lượt từng chân bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ

Ø Vận động cơ bản(đi- chạy- nhảy- bật-tung-ném-bắt-bò-trườn-trèo):

ũ Đi, chạy, giữ thăng bằng:

ũ Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.

ũ Đi, chạy thay đổi hướng theo vật chuẩn.

ũ Đi, chạy làm theo người dẫn đầu

ũ Đi trong đường hẹp

ũ Đi kiễng gót

ũ Đứng co 1 chân

ũ Bật, nhảy: Bật về phía trước. Bật tại chỗ

ũ Nhảy xa 20-25cm

ũ Tung, ném bắt: Tung bóng, đập bóng, lăn bóng

ũ Ném xa bằng 1 tay

ũ Ném trúng đích bằng 1-2 tay.

ũ Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc

ũ Bò: Bò, trườn theo hướng thẳng, Bò theo đường dích dắc, Bò chui cổng, ống,...

• Trườn và trèo qua vật cản.

• Trèo, bước lên xuống bậc thang hoặc bậc cao.

* Vận động tinh, phối hợp mắt-tay:

• Xâu hạt, cài-cởi nút, kéo khoá, vo, miết, vắn, véo, gấn, nới, thắt buộc dây, xé, dán, lắp ráp, xếp đặt (cách, khít cạnh nhau), chồng lên nhau.

• Xử dụng muổng, bàn chải, bút vẽ tô.

• Các động tác bàn và ngón tay: Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, xòe-nắm, nắm và đưa từng ngón tay..

THẨM MỸ:

1. Cảm nhận và tạo dựng cái đẹp xung quanh:

• Trẻ được sống trong môi trường đẹp: thiên nhiên, sân vườn, , trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi, quang cảnh (bàn ăn, trang trí lớp học....).

• Mong muốn tạo ra cái đẹp: xếp đồ gọn gàng, mặc trang phục, chải tóc gọn gàng....

• Trẻ cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên. Yêu thiên nhiên (cây, hoa, hồ cá....)

• Yêu thích đóng kịch, hát, múa, vẽ, nặn...

2. Phát triển kỹ năng âm nhạc-tạo hình:

• Nghe-phân biệt âm thanh đa dạng trong thiên nhiên, cuộc sống (gió, mưa, xe cộ, đóng mở cửa.... VD: kết hợp chuyện kể)

• Nghe nhạc: Nghe bài hát, dân ca, nhạc không lời.

• Biểu hiện cảm xúc khi nghe: động tác, nét mặt, vận động theo một cách tự nhiên.

• Vận động theo nhạc: với dụng cụ gõ, bằng cơ thể (dậm chân, vỗ tay, lắc, nhún, nhảy, lắc lư...),

• Hát tự nhiên.

• Văn hóa thưởng thức nghệ thuật: giữ im lặng, vỗ tay tán thưởng.

• Vẽ, trang trí:

• Tiếp tục dạy cầm bút đúng.

• Vẽ theo mẫu, vẽ tự do theo trí tưởng tượng.

• Kỹ năng vẽ: nét thẳng dọc, nét ngang, nét cong khép kín.

• Xử dụng ngón tay, bàn tay vẽ, in.

• Xử dụng nguyên vật liệu tạo hình đa dạng: bút chì, sáp, màu nước, nguyên liệu khác (thiên nhiên....)

• Chọn màu cho nền, hình.

• Tập bố cục (trái-phải, trên-dưới), kích thước cân đối.

• Tô màu hình: Tập tô bên trong hình, điều chỉnh không ra ngoài, kín hình (xoay tròn, di bút chì màu)

• Nặn: nhào đất, ngắt miếng đất từ cục to, lăn dài, kéo dài, vo tròn, miết, bóp, ấn bẹt, bẻ uốn cong, gấn.

• Xé: xé tự nhiên từ mảnh to thành nhỏ, xé vụn, xé dài dọc, vò giấy, bóp giấy trong nắm tay.

